

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HC-PT

Ngày: 19 - 02 - 2025

V/v khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Điền

Ông Nguyễn Đức Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Thiên Phước - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2024/TLPT-HC ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXPT-HC ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn B, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm T, thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Số B đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 04/4/2024; Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Cùng địa chỉ trụ sở làm việc: Thôn P, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND xã T: Ông Võ Quang L – Phó Chủ tịch UBND xã T. Theo văn bản ủy quyền ngày 13/02/2025; Có mặt.

3 Người kháng cáo: Ông Nguyễn B, người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của ông Nguyễn B, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, những người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Ông Nguyễn B là người khai hoang và sử dụng thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T từ năm 1977-1978. Đây là thửa đất nằm trong thửa đất rừng tại xứ Đ, xã T, huyện S nay thuộc một phần trong thửa đất số 269, tờ bản đồ số 26, xã T, huyện S. Do tuyến đường H - V mở ra vào năm 2006-2008 làm cho thửa đất bị tách ra làm 02 phần: Phần phía Bắc thuộc thửa 269, tờ bản đồ số 26, xã T; phần phía Nam là thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T, cụ thể:

Một phần là thửa đất số 269, ông B đã khai hoang và trồng cây lương thực ngắn ngày (cây củ mì), cây mía và không hề có bất cứ sự tranh chấp nào kể cả UBND xã T. Đến năm 1984, ông B đã trồng cây điều lộn hạt đến nay vẫn còn trên 30 cây, có chu vi gốc to đến 02m đo từ vị trí gốc cây cách mặt đất 01m. Sau đó, Nhà nước bất ngờ thu hồi đất này của ông B để cấp cho ông Trần Đức Á thuê xây dựng trang trại tổng hợp, việc này ông B đã kiện nhưng đang chờ cấp Giám đốc thẩm giải quyết (*phần này có liên quan nhưng không thuộc phạm vi khởi kiện theo đơn khởi kiện này*).

Một phần thửa đất hiện nay thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m², nay thuộc địa giới hành chính xã T. Việc sử dụng đất của ông B từ năm 1977-1978 đến nay có nhiều hộ dân biết và xác nhận. Năm 2006 do việc trồng cây mì không hiệu quả nên ông B trồng cây keo lai để giảm công chăm sóc, từ năm 1978 đến nay không ai tranh chấp đất đai với gia đình ông B tại khoảnh đất này. Như vậy, việc sử dụng đất của ông B là ổn định và đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) theo quy định của pháp luật. Chính vì vậy, ông B đã nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - chi nhánh thành phố Q để yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho ông. Tuy nhiên, sau khi nhận hồ sơ, Văn phòng Đ chi nhánh thành phố Q có Công văn số 279/TB-CNTPQN ngày 08/4/2022 từ chối cấp GCNQSDĐ cho ông với lý do như sau: Nguồn gốc đất của ông Nguyễn B được UBND xã T xác nhận trong đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nội dung “*Theo bản đồ 299, số thửa 01, 02 và 07, tờ bản đồ số 7 do HTX T2 quản lý, đồng thời ông Nguyễn B đang khiếu nại tại TANDTC tại Đà Nẵng nên không có cơ sở cấp*

giấy; tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Tranh chấp”. Ngày 08/9/2022, UBND xã T xác nhận vào Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn B có nội dung “*Theo bản đồ 299, số thửa 01, 02 và 07, tờ bản đồ số 7 do HTX T2 quản lý, đồng thời ông Nguyễn B đang khiếu nại nên không có cơ sở cấp giấy CNQSD đất. Tình trạng tranh chấp đất đai: Tranh chấp*” thể hiện tại Thông báo số 837/TB-CNTPQN ngày 13/9/2022. Đây là hành vi trái pháp luật, vì: Một là, diện tích đất 4.904,8m² ông B đã quản lý, sử dụng từ những năm 1977-1978 để trồng lang, củ mỳ, về sau trồng đào. Hiện nay trên đất vẫn còn cây điều (về phía bắc); suốt quá trình sử dụng đất không có bất kỳ sự tranh chấp nào. Việc sử dụng đất của ông B phù hợp với chủ trương khuyến khích của Nhà nước được quy định tại Điều 2 (Luật Đất đai năm 1987), Điều 5 (Luật Đất đai 1993), Điều 13 (Luật Đất đai 2003) và Điều 9 (Luật Đất đai 2013). UBND xã T cho rằng đất do UBND xã T là “chủ sử dụng” là không có căn cứ vì suốt năm 1977-1978 ông B sản xuất trên đất, không có văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền giao đất cho UBND xã T. UBND xã T cố ý không phân biệt được sự khác nhau giữa nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai và quyền sử dụng đất đã được quy định trong Luật Đất đai 2013.

Hai là, việc UBND xã T cho rằng thửa đất đang có tranh chấp nhưng không xác định được ai tranh chấp đất với ông B và không có đơn tranh chấp. Vì vậy, ông B đã khiếu nại hành vi này lên Chủ tịch UBND xã T, Chủ tịch UBND xã T đã bác khiếu nại của ông B tại Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 19/4/2023. Mặc dù tại Quyết định này, Chủ tịch UBND xã T thừa nhận “*Sau năm 1975, diện tích đất này thuộc Nhà nước đã quản lý và giao cho Lâm trường huyện S trồng cây bạch đàn; đến năm 1981 Lâm trường huyện S giải thể diện tích đất giao cho UBND xã T, cụ thể là Hợp tác xã T2 quản lý, trồng cây bạch đàn; sau khi Hợp tác xã T2 bán cây bạch đàn vào năm 1985, diện tích đất bỏ hoang*”. Thực tế thì năm 1981 sau khi Lâm trường huyện S giải thể, trên đất còn cây bạch đàn tái sinh và sau đó HTX T2 khai thác số cây tái sinh này rồi bỏ hoang, nhân dân trong khu vực đến khai hoang trồng hoa màu để sinh sống. Nhưng đó là ở vị trí khác chứ hoàn toàn không nằm trong diện tích ông B khai hoang năm 1977-1978 tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m², việc khai hoang, sử dụng đất của nhân dân địa phương trong đó có ông B khai hoang được hơn 10.000m² tại khu vực này là phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước lúc bấy giờ trong việc khuyến khích người dân khai hoang, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, tăng gia sản xuất. Đối với Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của Chủ tịch UBND xã T thì ngày 14/02/2023 ông B không có đơn khiếu nại mà chỉ có đơn yêu cầu thụ lý đơn khiếu nại; đơn khiếu nại của ông B đề ngày 09/6/2022 và ngày 16/9/2022, việc Chủ tịch UBND xã T căn cứ đơn khiếu nại ngày 14/02/2023 là không đúng, không chứng minh được thửa đất số 08 nêu trên là loại đất nào do UBND xã T quản lý và không nêu được thời điểm ông B bắt đầu sử dụng đất là thiếu trách nhiệm. Từ những căn cứ đó, ông B yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết:

- Tuyên bố hành vi của UBND xã T xác nhận nguồn gốc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T của hộ gia đình ông

Nguyễn B thể hiện tại đơn đề nghị cấp Giấy CNQSD đất của ông Nguyễn B được nêu tại Thông báo số 279/TB-CNTPQN ngày 08/4/2022 và Thông báo số 837/TB-CNTPQN ngày 13/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh thành phố Q là trái pháp luật.

- Hội Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B, thường trú tại thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Buộc UBND xã T xác nhận nguồn gốc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T có nguồn gốc do hộ gia đình ông B khai hoang và sử dụng ổn định, liên tục không có tranh chấp từ năm 1977 đến nay, phù hợp quy hoạch sử dụng đất vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn B, để ông B đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Người bị kiện là Ủy ban nhân dân, Chủ tịch UBND xã T trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01 xã T như sau: Theo Bản đồ 299, số thửa 01, 02 và 07, thuộc tờ bản đồ số 07 do HTX T2 quản lý trong sổ 5a. Bản đồ Nghị định 64/CP, số thửa số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích của thửa đất 65.350m², loại đất RTr-G, do UBND xã T quản lý. Đo đạc theo dự án VLAP năm 2016, số thửa 9, tờ bản đồ số 01, diện tích 19.870.5m², loại đất SKX, do UBND xã quản lý.

Nguyên phần diện tích đất 4.904,8m², thuộc một phần thửa đất số 08 (diện tích 65.350m²), loại đất RTr-G, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1995 có nguồn gốc của T1 họ H1 ở xã T từ trước năm 1975. Sau năm 1975, thực hiện chính sách hợp tác hóa nông nghiệp Nhà nước đã quản lý, giao cho L1 trường huyện S trồng cây bạch đàn; đến năm 1981 Lâm trường huyện S giải thể, UBND xã T cụ thể là Hợp tác xã T2 trực tiếp quản lý, trồng cây bạch đàn. Đến năm 1990 nhân dân thôn L, xã T đã tiến hành khai hoang trồng lang, mì và trồng cây bạch đàn (vào khoảng năm 1995-1996); do trồng cây không hiệu quả (cây chết) nên diện tích đất bỏ hoang. Ngày 15/8/2017, ông Nguyễn B1 phát sinh hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 4.904,8m² thuộc một phần của thửa đất số 8, diện tích 65.350m², loại đất RTr.G, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1995. Ngày 30/10/2017, UBND xã T đã lập biên bản về việc ông Nguyễn B (ở thôn H, xã T) đã có hành vi trồng keo trên phần diện tích đất 4.904,8m² do UBND xã T quản lý (năm 2016, ông B có trồng keo trên diện tích đất này, do không hiệu quả, keo chết nên hiện trạng diện tích bỏ hoang). Ngày 29/11/2017, UBND xã T ban hành Thông báo số 56/TB-UBND buộc ông Nguyễn B thu dọn toàn bộ cây keo trồng trái phép trên phần diện tích đất 4.904,8m². Ngày 30/3/2018, UBND xã T có Công văn số 72/UBND không đồng ý xác nhận vào hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông B đối với diện tích 4.904,8m² với lý do diện tích này do UBND xã T quản lý. Ngày 26/9/2018, ông B có đơn khiếu nại Công văn số 27/UBND ngày 30/3/2018 của UBND xã T (ngày 10/4/2018, Văn phòng Đ - chi nhánh thành phố Q có Thông báo số 516/TB-CNTPQN ngày 10/4/2018 về việc trả hồ sơ đề nghị Cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn B). Ngày 28/3/2019, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND bác khiếu nại lần đầu của ông B. Không đồng ý, ông B1 có đơn tiếp tục khiếu nại và Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 6099/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 giữ nguyên nội dung Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của UBND xã T. Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2021/HC-ST ngày 13/12/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B: Hủy Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch UBND xã T, hủy Quyết định số 6099/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q, buộc UBND xã T phải xác nhận vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn B theo quy định của pháp luật. Tại Bản án số 100/2022/HC-PT ngày 19/4/2022 về việc *“khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”* (ông B kháng cáo, buộc UBND xã T xác nhận nguồn gốc đất đã qua sử dụng ổn định, liên tục không có tranh chấp từ năm 1977 để đề nghị Cấp giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông); Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên xử, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 33/2021/HC-ST ngày 13/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 13/01/2022, ông Nguyễn B có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 4.904,8m², thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, xã T.

Ngày 06/4/2022, UBND xã T xác nhận nguồn gốc sử dụng đất như sau: “Theo Bản đồ 299, số thửa 01, 02 và 07, tờ bản đồ số 7, do HTX T2 quản lý và theo Bản đồ 64/CP số thửa 8, tờ bản đồ 01, do UBND xã T quản lý. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Tranh chấp” và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh thành phố Q có Thông báo số 279/TB-CNTPQN ngày 08/4/2022 về việc trả hồ sơ không thụ lý giải quyết.

Ngày 23/6/2022, ông Nguyễn B tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 08/9/2022, UBND xã T xác nhận nguồn gốc sử dụng đất như sau: “Theo Bản đồ 299, số thửa 01, 02 và 07, tờ bản đồ số 7, do HTX T2 quản lý và theo Bản đồ 64/CP số thửa 8, tờ bản đồ 01, do UBND xã T quản lý. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Tranh chấp” và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh thành phố Q có Thông báo số 837/TB-CNTPQN ngày 13/9/2022 về việc trả hồ sơ không thụ lý giải quyết.

Ngày 14/6/2022 ông Nguyễn B có đơn khiếu nại việc UBND xã T xác nhận nguồn gốc sử dụng đất tại đơn đề ngày 06/4/2022 và ngày 08/9/2022 là không đúng thực tế. Việc ông B cho rằng diện tích 4904,8m² thuộc một phần của thửa đất số 8 (diện tích 65.350m²), loại đất RTr.G, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1995 có nguồn gốc do ông B khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1977-1978 đến nay là không đúng thực tế, không phù hợp hồ sơ địa chính, không đúng theo nội dung Bản án số 100/2022/HC-PT ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (đối với việc ông Nguyễn B kháng cáo, buộc UBND xã T xác nhận nguồn gốc đất đã qua sử dụng ổn định, liên tục không có

tranh chấp từ năm 1977 để đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông: Xét, theo Bản đồ 299 thì phần diện tích 4904,8m² thuộc thửa đất số 01, 02 và 07 thuộc tờ bản đồ số 07 do HTX T2 quản lý ghi trong sổ 5a. Theo Nghị định số 64/CP và Bản đồ đo đạc theo Dự án VLAP năm 2016 thửa đất này thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 01 do UBND xã T, cụ thể là Hợp tác xã T2 quản lý, khai thác cây bạch đàn cho đến năm 1996. Việc ông B cho rằng diện tích 4904,8m² là do hộ gia đình ông khai hoang nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời khai của mình là có căn cứ pháp luật). Việc UBND xã T xác nhận nguồn gốc sử dụng đất tại đơn đề ngày 06/4/2022 và ngày 08/9/2022 đối với hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn B là đúng quy định của pháp luật. Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố, tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. Căn cứ Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 của Luật Khiếu nại; Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B về tuyên bố hành vi của UBND xã T xác nhận nguồn gốc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T của hộ gia đình ông B thể hiện tại đơn đề nghị cấp Giấy CNQSD đất của ông Nguyễn B được nêu tại Thông báo số 279/TB-CNTPQN ngày 08/4/2022 và Thông báo số 837/TB-CNTPQN ngày 13/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q là trái pháp luật; hủy Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B, thường trú tại thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; buộc UBND xã T xác nhận nguồn gốc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T có nguồn gốc do hộ gia đình ông B khai hoang và sử dụng ổn định, liên tục không có tranh chấp từ năm 1977 đến nay, phù hợp quy hoạch sử dụng đất vào đơn đề nghị cấp Giấy CNQSD đất của ông Nguyễn B, để ông B đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2024, bà Nguyễn Thị Như H (người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn B) có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xem xét kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 30/9/2024, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án. Ngày 04/10/2024, bà Nguyễn Thị Như H (người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn B) kháng cáo. Xét hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo phù hợp Điều 204, Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận.

[1.2] Ngày 02/10/2023, ông Nguyễn B có đơn khởi kiện, ngày 16/11/2023, 08/01/2024, ông Nguyễn B có đơn khởi kiện bổ sung, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi của UBND xã T xác nhận nguồn gốc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T của hộ gia đình ông B thể hiện tại đơn đề nghị cấp Giấy CNQSD đất của ông Nguyễn B được nêu tại Thông báo số 279/TB-CNTPQN ngày 08/4/2022 và Thông báo số 837/TB-CNTPQN ngày 13/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q là trái pháp luật;

- Hủy Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B1, thường trú tại thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- Buộc UBND xã T xác nhận nguồn gốc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T có nguồn gốc do hộ gia đình ông B khai hoang và sử dụng ổn định, liên tục không có tranh chấp từ năm 1977 đến nay, phù hợp quy hoạch sử dụng đất vào đơn đề nghị cấp Giấy CNQSD đất của ông Nguyễn B, để ông B đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy, các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của người khởi kiện yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ngày 13/01/2022, ông Nguyễn B có đơn đăng ký và nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, xã T, diện tích 4904,8m². Ngày 06/4/2022, UBND xã T xác nhận vào phần II, phần xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn: mục 2. Nguồn gốc sử dụng đất vào đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nội dung như sau: “*Theo Bản đồ 299, số thửa 01, 02 và 07, tờ bản đồ số 7, do HTX T2 quản lý và theo Bản đồ 64/CP số thửa 8, tờ bản đồ 01, do UBND xã T quản lý. Ông Nguyễn B đang khiếu nại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên không có cơ sở cấp giấy.* Trên cơ sở xác nhận của UBND xã T; ngày 08/4/2022, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q ban hành Thông báo số 279/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Nguyễn Bường .

Ngày 23/6/2022, ông Nguyễn B tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, xã T. Ngày 08/9/2022, UBND xã T xác nhận tại phần II, phần xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn của Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nội dung nguồn gốc sử dụng đất: “*Theo Bản đồ 299, số thửa 01, 02 và 07, tờ bản đồ số 7, do HTX T2 quản lý và theo Bản đồ 64/CP số thửa 8, tờ bản đồ 01, do UBND xã T quản lý, đồng thời ông Nguyễn B đang khiếu nại nên không có cơ sở cấp giấy CNQSD đất*”. Ngày 13/9/2022, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q ban hành Thông báo số 837/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Nguyễn Bường .

[2.2] Xét hành vi hành chính của UBND xã T về xác nhận nguồn gốc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T đối với ông B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn B cho rằng diện tích 4.904,8m² tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01 nêu trên là gia đình ông khai hoang từ những năm 1977-1978, sử dụng ổn định, liên tục, trồng cây điều, không ai tranh chấp (trước đây thuộc thửa đất rừng số 269 tại xứ Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi).

Tuy nhiên, đối chiếu với hồ sơ địa chính do UBND xã T quản lý, thể hiện:

Theo bản đồ được lập theo Chỉ thị 299/TTg phần diện tích 4.904,8m² thuộc thửa đất số 01, 02 và 07, cùng tờ bản đồ số 07 do Hợp tác xã T2 (HTX T2) quản lý có tên trong sổ đăng ký ruộng đất mẫu 5a;

Bản đồ thực hiện theo Nghị định 64/CP số thửa 8, tờ bản đồ số 01, diện tích của thửa đất 65.350m², loại đất RTrG, Sổ mục kê 64/CP, quyền số 01, trang số 01 tại mục chủ sử dụng đất ghi UBQL;

Bản đồ đo đạc theo dự án Vlap năm 2016, số thửa 9, tờ bản đồ 01, diện tích cả thửa 19.870,5m², loại đất SKX do UBND xã quản lý. Nguyên phần diện tích

4.904,8m² thuộc một phần thửa đất số 08 (diện tích 65.350m²), loại đất RTr-G, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1995.

Việc ông Nguyễn B cho rằng diện tích nêu trên là của hộ gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định từ năm 1977 đến nay không có tranh chấp. Tuy nhiên, theo tài liệu hồ sơ địa chính của thửa đất qua các thời kỳ thể hiện trong Sổ mục kê 64/CP do Ủy ban nhân dân xã T đăng ký chủ sử dụng, hồ sơ địa chính không thể hiện việc ông đã thực hiện kê khai đối với thửa đất qua các thời kỳ, ông B cũng không có các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 thể hiện ông đã quản lý, sử dụng đối với thửa đất. Xác nhận của người làm chứng do ông Nguyễn B cung cấp không thể hiện ông B quản lý, sử dụng thửa đất nào; việc có cây trồng trên đất hay không đây không phải là căn cứ xác định phần diện tích đất 4.904,8m² số thửa 08 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Bường.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng sử dụng đất, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch. Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên thì ngày 06/4/2022 và ngày 08/9/2022, UBND xã T xác nhận tại phần II, phần xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn tại đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn B là hoàn toàn phù hợp với hồ sơ địa chính, phù hợp với việc quản lý, sử dụng đất, đúng quy định của pháp luật.

[2. 3] Xét yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND xã T; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.3.1] Không đồng ý với nội dung xác nhận của UBND xã T đối với nguồn gốc sử dụng đất tại đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nên ông Nguyễn B có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã T. Ngày 04/7/2022, UBND xã T có Thông báo số 57/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Bường. Sau khi thụ lý và xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích đất mà ông B xin cấp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngày 28/3/2023 Chủ tịch UBND xã T tổ chức đối thoại với ông B nhưng không thành. Ngày 19/4/2023, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 54/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn B không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Bường. Việc Chủ tịch UBND xã T thụ lý và giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 54/QĐ-UBND nêu trên là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 17, 18, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại.

[2.3.2] Như đã nhận định ở phần trên, việc UBND xã T xác nhận nguồn gốc sử dụng đất diện tích 4.904,8m² tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, xã T là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, ông Nguyễn B quá trình đề nghị cấp GCNQSD đất đối với phần diện tích đất nêu trên cũng như khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã T nhưng không có tài liệu nào chứng minh diện tích đất nêu trên

thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông B. Do đó, Chủ tịch UBND xã T giải quyết khiếu nại, bác nội dung khiếu nại của ông Nguyễn B là đúng quy định của pháp luật.

[3] Do không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Nguyễn B nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B về việc buộc UBND xã T xác nhận nguồn gốc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T có nguồn gốc do hộ gia đình ông B khai hoang và sử dụng ổn định, liên tục không có tranh chấp từ năm 1977 đến nay, phù hợp quy hoạch sử dụng đất vào đơn đề nghị cấp Giấy CNQSD đất của ông Nguyễn B, đề ông B đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định nêu trên, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[5] Đối với ý kiến của ông Nguyễn B cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người trong hộ ông vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nhận thấy thửa đất 08 hồ sơ địa chính qua các thời kỳ do UBND xã T đăng ký quản lý, đồng thời không có căn cứ chứng minh thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông Nguyễn B nên không chấp nhận ý kiến trên của người khởi kiện.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn B thuộc đối tượng miễn án phí theo quy định của pháp luật, có đơn xin miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

[8] Những phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. Căn cứ Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 của Luật Khiếu nại; Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi của UBND xã T xác nhận nguồn gốc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T của hộ gia đình ông B thể hiện tại đơn đề nghị cấp Giấy CNQSD đất của ông Nguyễn B được nêu tại Thông báo số 279/TB-CNTPQN ngày 08/4/2022 và Thông báo số 837/TB-CNTPQN ngày 13/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q là trái pháp luật;

- Hủy Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B, thường trú tại thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- Buộc UBND xã T xác nhận nguồn gốc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T có nguồn gốc do hộ gia đình ông B khai hoang và sử dụng ổn định, liên tục không có tranh chấp từ năm 1977 đến nay, phù hợp quy hoạch sử dụng đất vào đơn đề nghị cấp Giấy CNQSD đất của ông Nguyễn B, để ông B đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về án phí: Ông Nguyễn B được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND, VKSND T.P Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS T.P Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hoàng Thị Mai Hạnh

